

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Cường.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước tham gia phiên tòa: Bà Phan Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 224/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Ngọc D**, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Số B, Khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Số A, Khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D trình bày như sau: Chị D cùng với anh Lê Văn T xác lập quan hệ hôn nhân năm 1982, nhưng cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc được một thời gian, dần dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng. Nguyên nhân, do cả hai người có quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên cãi vã với nhau, chị D bỏ về bên cha mẹ ruột xây nhà ở từ năm 2003 cho đến nay và ly thân với anh T. Chị D xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về nuôi con chung: Giữa chị D với anh T có 06 người con chung, hiện tại còn lại 05 người con: Lê Trí D, sinh ngày 22/02/1987; Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 20/6/1989; Lê Phát Đ, sinh ngày 07/5/1992; Lê Trí Q, sinh ngày 01/10/1994 và Lê Trí P, sinh ngày 01/10/1994. Hiện tại, cả năm người con chung đã trưởng thành và

đủ điều kiện tự lao động nuôi sống bản thân nên chị D không có ý kiến gì về con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Giữa chị D và anh T không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày lời khai tại Tòa án như sau: Thống nhất với phần trình bày của chị D: Về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, con chung; tài sản chung và nợ chung: Không có. Theo anh T, thời gian bắt đầu phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng và ly thân là từ năm 2007 cho đến nay. Hiện tại, anh T không còn tình cảm vợ chồng với chị D nên đồng ý ly hôn như chị D yêu cầu. Đồng thời, yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan, nên hình thức tố tụng Viện kiểm sát thấy đủ điều kiện và hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa và qua đối chiếu với quy định pháp luật, xét thấy:

+ Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc D cùng với anh Lê Văn T tiến tới hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện từ năm 1982 cho đến nay, mặc dù không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng đây là hôn nhân thực tế theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và ly thân từ năm 2003 theo chị D trình bày, còn anh T cho rằng từ năm 2007, xét mục đích của hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh T là có căn cứ.

+ Về con chung: đã trưởng thành, nên không xét đến.

+ Về chia nợ chung và chia tài sản chung: Không có.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Chị Lê Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Văn T có nơi cư trú tại: Số A, khu phố B, thị trấn C, huyện C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cần Đức, tỉnh Long An theo quy định tại các Điều 28, 35, 36 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Lê Văn T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Xét, chị D với anh T xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1982 cho đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào hướng dẫn của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000, thì đây là hôn nhân thực tế và hợp pháp.

- Xét, yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc D đối với anh Lê Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh T có hạnh phúc được một thời gian dài thì mới phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân, theo cả hai anh chị trình bày thì đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong đời sống vợ chồng, nhưng cả hai anh chị không tìm được biện pháp giải quyết dẫn đến ly thân cho đến nay. Chị D nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh T.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, 05 người con chung của chị D với anh T đều đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị D với anh T đều xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên không đề cập.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và Gia đình để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị Ngọc D đối với anh Lê Văn T.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc D được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000048 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức do chị Lê Thị Ngọc D đã nộp sang án phí để sung công quỹ Nhà nước.

Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- CCTHADS huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Tâm